

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS-ST
Ngày 13/8/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh;
2. Bà Dương Triết Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “*tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S.**

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Đình C - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch; địa chỉ: Số A, N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (theo Quyết định uỷ quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Người được uỷ quyền lại: Bà Phan Thị Cẩm V, sinh năm 1992 - CBNV Phòng G - Chi nhánh A. (Theo giấy uỷ quyền ngày 29/7/2024). (Có mặt).

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày như sau:

Ngày 18/10/2022, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A - P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2324864-089092000386 với ông Nguyễn Trọng N. Theo đó Ngân hàng cấp cho ông Nguyễn Trọng N hạn mức thẻ tín dụng 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), nội dung chi tiết như sau: Loại thẻ: J; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là: 33,2%/năm; Số tài khoản thẻ tín dụng: 3408740870; Số tiền phải thanh toán bao gồm: Số tiền đã giao dịch: 49.000.000đồng, phí trễ hạn: 747.939đồng, số tiền lãi: 19.995.626đồng, phí vượt hạn mức: 50.000đồng, phí rút tiền mặt và phí thường niên: 758.000đồng. Sau khi vay, ông Nguyễn Trọng N có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.005.000đồng, số tiền còn nợ là 49.546.568đồng.

Từ ngày 15/12/2023 đến nay, ông Nguyễn Trọng N không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng, việc không thanh toán đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng không có kết quả.

Tính đến ngày 10/06/2024, ông Nguyễn Trọng N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S với tổng số tiền vốn và lãi là: 57.175.600đồng, trong đó vốn: 49.546.568đồng, lãi: 7.717.806đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh A đại diện nhận) với tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2024 là: 57.175.600đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm đồng) trong đó vốn: 49.546.568đồng, lãi: 7.717.806đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 2324864-089092000386 ngày 18/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh A - P với ông Nguyễn Trọng N.

* Bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính tới ngày 13/8/2024 là 61.792.838đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 2324864-089092000386 ngày 18/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh A - P với ông Nguyễn Trọng N.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 103 Luật Các chức tín dụng tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Trọng N trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/8/2024 là 61.792.838 đồng và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng Ông Nhân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “tranh chấp hợp đồng thế tín dụng”, do bị đơn ông Nguyễn Trọng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình nhưng ông N vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét tính hợp pháp của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2324864-089092000386 ngày 18/10/2022 giữa Ngân hàng với ông N có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã cấp cho ông N thẻ tín dụng với tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, loại thẻ: JCB Classic, số tài khoản thẻ tín dụng: 3408740870.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng cụ thể từ ngày 15/12/2023 đến nay, ông N không thanh toán lãi, và các khoản phí cho Ngân hàng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông N đã vi phạm quy định của đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ của Ngân hàng.

Căn cứ vào bảng phí và lãi thẻ tín dụng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ cơ sở để chứng minh ông N đã được cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền ông N sử dụng giao dịch và hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc chưa thanh toán là 49.546.568 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông N trả số tiền nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: Căn khoản Điều 100 Luật Các chức tín dụng 2014 thì Ngân hàng và khách hàng có quyền tự thỏa thuận về mức lãi suất, do đó lãi suất của hợp đồng quy định điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân.

Xét thấy, mức lãi suất và các loại phí do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông N trả số tiền lãi và tiền phí phát sinh là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Tính đến ngày 13/8/2024, ông N còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 61.792.838 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.546.568 đồng, lãi trong hạn là 8.164.180 đồng và lãi quá hạn là 4.082.090 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc, nợ lãi và phí phát sinh tổng cộng là 61.792.838 đồng. Ông N còn có nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 14/8/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với phần nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 100, Điều 103 Luật Các chức tín dụng năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí T.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T1:

Buộc ông Nguyễn Trọng N phải thanh toán cho Ngân hàng T2 do Ngân hàng T1 chi nhánh A đại diện nhận số tiền nợ tổng cộng 61.792.838 đồng (sáu mươi một triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 49.546.568 đồng (bốn mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi trong hạn là 8.164.180 đồng (tám triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi đồng), lãi quá hạn là 4.082.090 đồng (bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, không trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày 14/8/2024, ông Nguyễn Trọng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2324864-089092000386 ngày 18/10/2022. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 3.090.000 đồng (ba triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng T1 số tiền 1.282.000 đồng (một triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013775 ngày 03/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thián dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thián

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

Mai Thị Vân